Inspire SCHOOLS
HỆ THỐNG TRƯỜNG KHAI NGUYÊN

GLOBAL RECOGNITION & ACCREDITATION
WORLD'S BEST SCHOOL PRIZES Supporting Healthy Lives TOP 10 FINALIST 2026 | Google for Education Reference School | STEMi ACCREDITED

# THỜI KHÓA BIỂU / Class schedule

## LỚP/ Class: 1B - ISP01

*Áp dụng từ ngày/Applied from: 07/09/2026*

*GVCN/Homeroom teacher:Phan Thị Trâm Như*

| Buổi Session | Tiết Period | Thời gian Time | Thứ Hai Monday | Thứ Ba Tuesday | Thứ Tư Wednesday | Thứ Năm Thursday | Thứ Sáu Friday | Thứ Bảy Saturday |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| SÁNG *Morning* | | 06:45 - 07:35 | *Ăn sáng* | | | | | |
| | | 07:35 - 07:55 | Chào cờ | Giờ đọc sách | | | SHCN | Đọc sách tại nhà |
| | 1 | 08:00 - 08:30 | Tiếng Việt | Global Perspectives | Tiếng Việt | STEAM Lab | Tiếng Việt | Giờ lãnh đạo / tháng |
| | 2 | 08:35 - 09:05 | English (Expat) | Giáo dục thể chất | English | STEAM Lab | Wellbeing | |
| | 3 | 09:10 - 09:40 | English (Expat) | Giáo dục thể chất | English | Tiếng Việt | Tự nhiên & Xã hội | |
| | | 09:40 - 10:00 | *Nghỉ giải lao* | | | | | |
| | | 10:00 - 10:10 | *Hoạt động giữa giờ* | | | | | |
| | 4 | 10:15 - 10:45 | Nghệ thuật sáng tạo | English (Expat) | AI & Digital Innovation | Tiếng Việt | English | |
| | 5 | 10:50 - 11:20 | Nghệ thuật sáng tạo | English (Expat) | AI & Digital Innovation | Global Citizen Competencies | English | |
| | | 11:20 - 13:40 | *Ăn trưa - Nghỉ trưa* | | | | | |
| CHIỀU *Afternoon* | 6 | 13:45 - 14:15 | Bơi | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Math | Tiếng Việt | |
| | 7 | 14:20 - 14:50 | Bơi | Tiếng Việt | Toán | Math | Tiếng Việt | |
| | | 14:50 - 15:20 | *Ăn xế - Nghỉ giải lao* | | | | | |
| | 8 | 15:25 - 15:55 | Tiếng Việt | Toán | Toán | Tiếng Việt | Global Perspectives | |
| | 9 | 16:00 - 16:30 | Hệ thống đại sứ | Không gian học tập | Hệ thống đại sứ | Không gian học tập | HĐTNHN | |
| | | 16:45 - 17:45 | *Câu lạc bộ sau giờ học* | | | | | |

